

Bản án số: 31/2019/HS-ST
Ngày: 28-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga;**

Ông **Nguyễn Văn S1.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liên Thị Kim Ngân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông **S Nhựt Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 09/11/1992, tại huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1968 (còn sống) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968 (còn sống); bị cáo chưa có vợ con; tiền án; tiền sự: không; Nhân thân: Không tốt; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 03/7/2019 đến ngày 06/7/2019 chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tiểu Cần, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khóm E, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Hoàng S**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Anh Trần Ngọc Q, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khóm D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khóm E, thị trấn C, huyện T tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKSTC-HS, ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự với hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 01/12/2018, bị cáo Nguyễn Hoàng T điều khiển xe mô tô biển số 84K4-4983, chở Nguyễn Tấn P (tên gọi khác: Ốc), đi chơi hội chợ tại khóm E, thị trấn C, sau đó bị cáo tiếp tục điều khiển xe chở P đi chơi ở thị trấn T. Đến khoảng 00 giờ ngày 02/12/2018, khi đi ngang công trình đang xây dựng nhà kho của ông Nguyễn Văn S1 (Út S1), bị cáo nhìn thấy máy trộn hồ bê tông của anh Nguyễn Văn T1 đang để tại công trình, không ai trông coi, bị cáo liền dừng xe lại, bị cáo xuống xe đi bộ qua Quốc lộ đến gần máy trộn hồ nhìn thấy có một mô tơ điện trên máy trộn hồ, màu xanh. Sau đó bị cáo dùng chìa khóa có sẵn trong cốp xe mở 04 con ốc bắt chân mô tơ với máy trộn hồ và cùng với P đem mô tơ trên để lên xe, bị cáo điều khiển xe chở P ngồi sau ôm mô tơ đem về để phía sau nhà của bị cáo.

Đến khoảng 05 giờ ngày 02/12/2018 bị cáo tiếp tục lấy xe mô tô biển số 84K4-4983 cùng với Nguyễn Tấn P đem máy mô tơ trên đi đến tỉnh Vĩnh Long bán cho một người đàn ông không biết, họ tên, địa chỉ cụ thể với giá 550.000 đồng. Sau khi bán được mô tơ, bị cáo và Nguyễn Tấn P đã cùng nhau tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Đến khoảng 07 giờ sáng ngày 02/12/2018 thì anh T1 phát hiện mất tài sản trên nên trình báo Cơ quan Công an.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 24 ngày 24/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Tiểu Cần kết luận: 01 (một) mô tơ màu xanh, loại hai mã lực do Trung Quốc sản xuất, giá trị tài sản còn lại là 1.150.000 đồng.

Với giá trị tài sản bị thiệt hại là 1.150.000 đồng không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên do bị cáo có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản chưa được xóa mà tiếp tục vi phạm. Do đó hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 02/12/2018 của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản.

Đối với Nguyễn Tấn P, thừa nhận đã cùng với bị cáo T thực hiện hành vi trộm mô-tơ và đem đi tiêu thụ như nêu trên. Nhưng vào thời điểm trước khi P cùng với bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 02/12/2018 thì P chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên không đủ yếu tố để truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên hành vi của Nguyễn Tấn P đã vi phạm vào điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định 167 ngày 12/11/2013 của Chính Phủ, do đó ngày 23/7/2019, Công an huyện Tiểu Cần ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Tấn P số tiền 1.500.000 đồng.

Đối với máy mô-tơ do bị cáo và Nguyễn Tấn P trộm được đem đi bán, do không xác định được địa chỉ nơi bán và người mua nên không thể thu giữ vật chứng trên.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 84K4-4983, là xe của ông Nguyễn Hoàng S và bà Nguyễn Thị N là cha mẹ ruột của bị cáo, được ông Nguyễn Văn H (anh ruột của ông S, bà N) mua lại từ ông Trần Ngọc Q, nhưng chưa sang tên. Sau đó ông Nguyễn Văn H cho lại ông S, bà N để làm phương tiện đi lại. Việc bị cáo lấy chiếc xe mô tô trên cùng với Nguyễn Tấn P thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì ông S và bà N không biết. Do xe đã cũ và hư hỏng nhiều nên ông S, bà N đã bán sắt vụn đối với chiếc xe mô tô trên cùng với chìa khóa mà bị cáo dùng để mở lấy trộm mô-tơ cho một người mua ve chai dạo (không biết họ tên địa chỉ) với giá 400.000 đồng. Qua làm việc thì ông S, bà N, ông Nguyễn Văn H và ông Trần Ngọc Q không ai yêu cầu gì đối với chiếc xe trên.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hoàng T khai đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người bị hại như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố, sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173, điểm b,h,i, s khoản 1,2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T từ 06 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/7/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu bồi thường, ông Nguyễn Hoàng S và bà Nguyễn Thị N không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.700.000 đồng nên đề nghị không xem xét.

Về án phí hình sự: Đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn T1 có đơn xin vắng mặt và có ý kiến trình bày tại cơ quan điều tra như sau: Ngày 01/12/2018, anh bị mất trộm 01 (một) mô tô màu xanh, loại hai mã lực do Trung Quốc sản xuất và anh T1 có trình báo công an và gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh bằng 1.700.000 đồng, nên về trách nhiệm dân sự không yêu cầu, về trách nhiệm hình sự yêu cầu bãi nại cho bị cáo.

Anh Nguyễn Tấn P có ý kiến trình bày tại cơ quan điều tra như sau: Ngày 02/12/2018, anh cùng với bị cáo T lén lút trộm cắp của anh T1 01 (một) mô

tơ màu xanh, loại hai mã lực do Trung Quốc sản xuất đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Ông Nguyễn Văn H có đơn xin vắng mặt và có ý kiến trình bày tại cơ quan điều tra như sau: Ông là anh ruột của ông Nguyễn Hoàng S, chiếc xe mô tô biển số 84K4-4983 là của ông mua của anh Trần Ngọc Q, sau đó cho lại ông S sử dụng để làm phương tiện làm ăn, việc ông S cho bị cáo mượn xe ông không biết, do chiếc xe ông cho rồi và ông S đã bán cho người khác ông không có ý kiến và cũng không có yêu cầu.

Ông Nguyễn Hoàng S và bà Nguyễn Thị N cùng trình bày: Bị cáo là con ruột ông, bà. Ngày 01/12/2018, bị cáo lấy chiếc xe mô tô biển số 84K4-4983 của ông, bà đi chơi rồi trộm cắp tài sản của người bị hại ông bà không biết. Đối với chiếc xe không còn giá trị sử dụng, do hư hỏng nhiều nên ông bà đã bán ve chai cho 01 người không biết tên. Còn số tiền ông, bà đã khắc phục cho anh T1 bằng 1.700.000 đồng là tiền của ông, bà, nay ông bà không yêu cầu bị cáo trả lại.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về phụ lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn H, anh Trần Ngọc Q có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Tấn P vắng mặt không lý do những người này đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người trên theo quy định.

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Tiểu Cần, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đồng thời thống nhất với các biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiểu Cần. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các lời khai của bị cáo trước đây tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu chứng cứ khác như biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận của Hội đồng định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tình tiết và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ để xác định: Vào ngày 09/01/2018, bị cáo bị Công an xã Long Đức, thành phố Trà Vinh xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài

sản, đến ngày 02/12/2018 bị cáo tiếp tục lén lút trộm cắp của anh T1 01 (một) mô tô màu xanh, loại hai mã lực do Trung Quốc sản xuất, có giá trị bằng 1.150.000 đồng đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do đó, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản người khác của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Từ lẽ đó, xét bản cáo trạng số: 28/CT-VKSTC-HS, ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo ra trước Tòa hôm nay về hành vi trộm cắp tài sản là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo đã thể hiện vào ngày 02/12/2018 bị cáo lén lút trộm cắp của anh T1 01 (một) mô tô màu xanh, loại hai mã lực do Trung Quốc sản xuất, có giá trị bằng 1.150.000 đồng của người bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo đã bị cơ quan điều tra khởi tố và ra lệnh bắt bị can để tạm giam nhưng bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương, do đó ngày 09/4/2019 cơ quan Công an phải ra Quyết định truy nã đối với bị cáo và đến ngày 03/7/2019 bị cáo mới ra đầu thú, việc bị cáo bỏ trốn trong quá trình điều tra gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng.

[4] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là một thanh niên có sức khỏe nhưng không tìm kiếm công việc lao động có thu nhập hợp pháp mà chọn cách kiếm tiền bằng cách chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng bất chấp hậu quả, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Bên cạnh đó, tình hình trộm cắp trên địa bàn huyện T thời gian gần đây xảy ra rất nhiều, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần phải xử lý bị cáo một mức án tương xứng với hành vi và tính chất của vụ án, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét nhân thân của bị cáo từ khi bị khởi tố, điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội gây thiệt hại không lớn, bị cáo tác động gia đình bồi thường cho người bị hại số tiền 1.700.000 đồng, sau khi bị truy nã bị cáo đã ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Đối với Nguyễn Tấn P, thừa nhận đã cùng với bị cáo thực hiện hành vi trộm mô tô và đem đi bán. Nhưng vào thời điểm trước khi P cùng với bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 02/12/2018 thì P chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên không đủ yếu tố để truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên hành vi của Nguyễn Tấn P đã vi phạm vào điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định 167 ngày 12/11/2013 của Chính Phủ, do đó ngày 23/7/2019, Công an huyện Tiểu Cần ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Tấn P số tiền 1.500.000 đồng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét, ông Nguyễn Hoàng S và bà Nguyễn Thị N không có yêu cầu trả lại số tiền 1.700.000 đồng nên không xem xét.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 03/7/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét, ông Nguyễn Hoàng S và bà Nguyễn Thị N không có yêu cầu trả lại số tiền 1.700.000 đồng nên không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, ông S, bà N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Chấm